

Bản án số: 235/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 575/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 436/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 401/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Phú Quý, xã Phú An, huyện Phú T, tỉnh An Giang; có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Long Hưng, xã Long Giang, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày, chị và anh N sau thời gian tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2017, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chị T và anh N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tình cảm, anh N không lo làm ăn, chị có khuyên nhưng anh N không sửa đổi. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 đến nay.

Về con chung: Chị Lê Thị T xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T xác định không có.

Về nợ chung: Chị Lê Thị T xác định không có.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

- Anh Phạm Thanh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến gì khác.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh N chung sống với nhau vào năm 2017 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận vợ chồng đối với chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh N.

Về con chung: Không có, nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Không công nhận chị Lê Thị T, anh Phạm Thanh N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn N cư trú ấp Long Hưng, xã Long Giang, huyện Chợ M, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại

khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Lê Thị T có ý kiến xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn N đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị T và anh N sau thời gian tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh N là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Anh Phạm Văn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 53, các Điều 14, 56, 57, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T xác định không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004779 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 6 năm 2022; chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Văn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn